

ẢNH HƯỞNG CỦA MỐI QUAN HỆ THÂN TỘC VÀ LÁNG GIỀNG TỚI VIỆC SINH ĐẸ VÀ SỐ CON TRONG GIA ĐÌNH NÔNG THÔN

TRỊNH THỊ QUANG

Từ nhiều năm nay, gia đình với chức năng tài sản xuất dân cư đã trở thành đối tượng của cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch. Ở các vùng nông thôn, công tác này đã thu được những kết quả nhất định.

Nghiên cứu những tác động phong phú của quá trình sống tới cuộc vận động này, không thể không xem xét mối quan hệ giữa đơn vị gia đình với các nhóm xã hội xung quanh nó. Ở đây, chúng tôi chỉ đề cập đến ảnh hưởng của nhóm họ hàng và láng giềng - bạn bè tới các khía cạnh liên quan đến sinh đẻ và số con trong gia đình nông thôn.

Qua một số điều tra thực nghiệm, các nhà xã hội học nhận thấy rằng: xu hướng hạt nhân hóa và thu hẹp quy mô gia đình ngày càng tăng ở các vùng. Gia đình lớn gồm “tam tứ đại đồng đường” với số lượng khá cao đã giảm đi, nhường chỗ cho gia đình hai thế hệ phát triển. Đó là loại gia đình đơn (gia đình hạt nhân) gồm khoảng 4 – 5 người (một cặp vợ chồng và 2 – 3 con) sống tách rời gia đình lớn hoặc sống chung một nhà nhưng độc lập với gia đình bố mẹ về phương diện kinh tế.

Gia đình ở nông thôn hiện nay đang có những biến đổi về nhiều mặt. Cơ sở kinh tế của gia đình trước đây là cá thể, nay là tập thể. Chức năng kinh tế của gia đình không chỉ nặng về sản xuất cho riêng gia đình mà còn bao gồm việc tổ chức chi tiêu từ hoa lợi mà hợp tác xã và gia đình đem lại. Trước đây, con cái là chỗ dựa cho cha mẹ lúc tuổi già về mặt kinh tế. Bây giờ, chức năng đơn vị sản xuất của gia đình giảm xuống thì nhu cầu có con do nhu cầu kinh tế cũng giảm xuống.

Trình độ học vấn và tri thức của người phụ nữ nông thôn cũng cao hơn trước. Đa số những người vợ nông thôn có trình độ phổ cập cấp hai. Cuộc cách mạng giải phóng người phụ nữ đã đưa họ lên địa vị ngang hàng nam giới về nhiều mặt. Trong công tác xã hội, nhiều người đang giữ vai trò chủ chốt ở các đoàn thể địa phương. Trong gia đình, họ ngày càng ý thức được rõ rệt và quyền lợi và trách nhiệm của mình để cùng người chồng quyết định các việc lớn, kể cả việc sinh con.

Những thay đổi lớn lao đó tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc vận động kế hoạch hóa gia đình trong tự biến đổi dân số toàn quốc.

Tuy nhiên, khi so sánh giữa các vùng, các nhà Dân số học và Xã hội học nhận thấy tỷ lệ sinh ở nhiều vùng nông thôn giảm rất chậm và biến động thất thường¹

1. Xem thêm Phạm Bạch San: *Xung quanh tháp dân số một xã vùng đồng bằng Bắc Bộ*, Tạp chí Xã hội học số 2 (6), 1984, tr. 32 – 39.

Nông thôn ngày nay tiến lên chủ nghĩa xã hội từ những làng xóm xưa kia. Ở đó, gia đình đơn là hạt nhân của nhiều mối quan hệ giữa các nhóm xã hội. Các cá nhân từ bao đời này đều gắn với nhau bởi những liên hệ về địa vực cư trú, về lao động sản xuất, về huyết thống và về những phong tục tập quán riêng của từng vùng. Ở đây khi nhìn vào tác động qua lại giữa một bên là cặp vợ chồng, một bên là những người xung quanh cặp vợ chồng đó, ta sự thấy rõ cái phức tạp của sự pha trộn truyền thống và hiện đại trong sự hình thành những mẫu hành vi cá nhân.

Những người xung quanh mà chúng tôi nghiên cứu ở đây là các nhóm xã hội liên quan đến đối tượng gia đình. Đó là bố mẹ bên vợ và bên chồng, họ hàng và bạn bè láng giềng hai bên. Thực chất của vấn đề là xem xét những định hướng sinh đẻ của gia đình qua tác động của chuẩn mực số con ở các nhóm này.

Với những mặt mạnh và yếu kết hợp nhau, nông thôn ta hiện nay vẫn còn bảo lưu nhiều yếu tố truyền thống của sinh hoạt làng mạc xưa. Ở đó, tính chất cộng đồng trong sinh hoạt hàng ngày, những hình thức tương trợ, các thông tin truyền miệng qua giao tiếp và một sự kiểm soát xã hội chặt chẽ hơn thành phố là những đặc trưng cơ bản trong hoạt động sống của con người. Hành vi cá nhân chịu ảnh hưởng của nhóm xã hội mà cá nhân đo sống. Gia đình là điểm hội tụ của các cuộc giao tiếp giữa bố mẹ, bạn hữu đồng tâm là láng giềng của các cặp vợ chồng. Phong tục, tập quán, những nhu cầu và giá trị xã hội của nhóm cư dân này cũng thường là của gia đình qua các thông tin thu được trong cuộc gặp gỡ. Lối sống riêng của từng gia đình, việc đề cao lối sống cá nhân như ở đô thị chưa trở thành phổ biến: Chính những đặc điểm ấy làm cho sự hình thành khuôn mẫu gia đình mới gặp khó khăn.

Trong điều kiện ấy, dù với sự cố gắng rất cao của nhiều ngành, nhiều cấp độ, chúng ta cũng chưa thể định hướng ngay được những giá trị mới về đũa con.

Với mô hình gia đình truyền thống, người con tuân thủ cha mẹ, con gái phục vụ tận tình gia đình, gia tộc bên chồng, khiến cho nhiều phụ nữ phải dằn vặt và thụ động trong thời gian sinh con. Theo một thống kê dân số học, đặc điểm của sinh đẻ ở Việt Nam là đẻ dày, đẻ nhiều và lớn tuổi còn đẻ, 50% sản phụ có độ tuổi từ 25 - 50¹. Không ít phụ nữ sinh con ở độ tuổi cao vì phải đẻ theo ý muốn của gia đình và họ hàng hai bên. Ở một xã thuộc tỉnh Hà Sơn Bình, cách Hà Nội 20 ki lô mét, một phụ nữ đã đẻ đũa con thứ 8 vào lúc 47 tuổi vì chưa có con trai. Khi phỏng vấn người chồng (cán bộ xã), chúng tôi được biết họ vẫn chưa có ý định ngừng đẻ, mặc dù ban vận động kế hoạch hóa gia đình đã nhắc nhở rất nhiều.

Khi xét định hướng sinh đẻ của gia đình qua tác động của nhóm xung quanh, chúng tôi đã tìm hiểu mối liên hệ hai chiều của những thông tin qua giao tiếp như: mong muốn của nhóm về số con của gia đình đơn, sự nhận biết các mong muốn ấy. Dựa vào mục tiêu của cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch là 2 con trong một gia đình, chúng tôi chia ra hai mức con mong muốn:

1 - 2 con: số con vừa phải;

3 con trở lên: nhiều con

Kết quả cho thấy số người biết đến mong muốn của các nhóm về số con của gia đình họ như sau (Xem bảng 1).

1. Báo *Nhân dân*, ngày 19-10-1983.

Bảng 1: MONG MUỐN Ở CÁC NHÓM VỀ SỐ CON CỦA GIA ĐÌNH¹

Nhóm	Số con mong muốn	
	1 – 2 con	3 con trở lên
- Bố mẹ hai bên	17,1	82,9
- Họ hàng	28,4	71,6
- Bạn bè	31,0	69,0

Như vậy ở cả 3 nhóm, số người đồng tình với mức 3 con trở lên chiếm tỷ lệ ưu thế. Các cá nhân trong ba nhóm này, trong sự giao lưu tình cảm có tính chất huyết thống và cộng đồng, đã truyền lại cho các cặp vợ chồng sống cùng họ những chuẩn mực về số con như chính họ quan niệm.

Về sự nhận biết mong muốn ở các nhóm của các cặp vợ chồng, cuộc điều tra cho thấy người ta quan tâm nhất đến ý muốn của bố mẹ hai bên (60%), thứ đến là bạn bè (47%), sau cùng mới là họ hàng (23%). Phải chăng ở đây yếu tố họ hàng và huyết thống tỏ ra ít tác dụng hơn, nhường chỗ cho một ý thức đậm nét về gia đình mở rộng, khiến cho các gia đình đơn dù đã sống tách riêng, độ độc lập về kinh tế nhưng vẫn chịu ảnh hưởng của bố mẹ hai bên. Ý thức về quyền uy của bố mẹ họ và biến những quyền uy ấy thành những biểu hiện quan tâm đã làm cho các ca thuận tiên gần đến quan niệm về số con truyền thống.

Các diễn biến tâm lý khác nhau của người đã lập gia đình trong một cuộc điều tra gần đây cho thấy sự phức tạp chằng chịt cạnh này. Câu hỏi: “Khi chưa đủ số con trai, con gái như những người xung quanh mong đợi, anh (chị) cảm thấy thế nào” được trả lời như sau: (xem bảng 2).²

Bảng 2:

Có ý kiến								Không ý kiến	
Bình thường		Băn khoăn bối rối		Xấu hổ		Lo ngại			
Nam:	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
66,9	52,0	19,3	26,0	0	3,0	13,6	19,0	1,1	0

Như vậy, quá nửa số người được hỏi không băn khoăn về ngổ con còn ít của gia đình họ. Chỉ bảo này cho thấy một bộ phận khá phổ biến trong cư dân các vùng nông thôn đã biết đến những tri thức về dân số và kế hoạch sinh đẻ theo nhu cầu của quốc gia. Cần chú ý đến tâm lý người phụ nữ ở đây. Không ai trong số được hỏi thờ ơ với chuyện số con của gia đình mình. Số phụ nữ bị dẫn vật tùy theo mức độ đã chia đều hơn hẳn nam giới. Điều này liên quan đến quan niệm truyền thống về người vợ

1, 2. Số liệu điều tra xã hội học tại xã Quyết Tiến, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, tháng 4-1984.

trong gia đình mà họ lĩnh hội được. Với quan niệm này, người phụ nữ phải có chứa năng đẻ nhiều con để mang lại phú quý cho gia đình, gia tộc. Pháp luật phong kiến cho tội “không con” là một trong 7 trọng tội của người vợ, cho phép người chồng tự do bỏ và đuổi vợ ra khỏi nhà. Đến nay, trong gia đình họ, gặp dòng chữ “tuyệt tự” của một gia đình nào đó, người ta vẫn coi đó là điều bất hạnh và đổ lỗi đó lên đầu người phụ nữ. Do vậy, ngay trong chính bản thân người phụ nữ cũng vẫn tồn tại sâu sắc mô hình gia đình đông con. Điều đó khiến cho họ có những suy nghĩ, đắn đo nhiều về chuyện con cái hơn. Thêm vào đó, những tác động của điều kiện sống, tâm lý văn hóa, v. v... và nhất là sự hiểu biết chưa đầy đủ về tầm quan trọng của kế hoạch hóa gia đình làm cho phụ nữ khi định hướng được hành vi sinh đẻ của mình¹. Là người trực tiếp tái sản xuất con người, họ đã đi đến những xử sự phù hợp với nhu cầu của nhóm xã hội xung quanh họ hơn là cân nhắc những khó khăn thực tế trong khi nuôi con.

Như vậy, khi tìm hiểu mối liên hệ giữa gia đình nông dân với những người xung quanh về việc sinh đẻ và số con chúng tôi nhận thấy mô hình số con truyền thống vẫn in đậm trong ý thức của nhiều thế hệ nông dân. Chính mô hình này đã góp phần cùng các yếu tố kinh tế, văn hóa và xã hội khác làm chậm quá trình giảm tỷ lệ sinh và thu hẹp quy mô gia đình nông thôn.

Để lý giải nguyên nhân tại sao hình ảnh “con đàn cháu đống”, “mỗi con mỗi lộc” của xã hội cũ lại sống dai dẳng trong nông thôn, chúng tôi xin nêu một vài suy nghĩ nhỏ rút ra từ các đợt thực tế;

1. Tỷ lệ gia đình có con chết, nhất là chết do bệnh tật vẫn khá cao, khiến người nông dân lo sợ tuyệt nòi giống và đề phòng bằng cách đẻ nhiều con hơn (Điều tra 1 xã năm 1982 có: 33% gia đình có con chết, trong đó 92% chết do bệnh tật).

2. Gia đình hiện nay vẫn đảm nhận phần quan trọng trong sản xuất, nhất là trong điều kiện khoán sản phẩm và nhu cầu tăng lên của kinh tế phụ gia đình. Trẻ em thực sự giúp đỡ bố mẹ nhiều trong lao động sản xuất và nội trợ. Vì thế người ta nhận thấy trẻ em một trợ lực về sức lao động.

3. Trong điều kiện hiện nay, nông thôn ra do phương tiện truyền thông đại chúng và các hoạt động nghệ thuật còn quá nghèo nàn, đưa con trong gia đình nông thôn vẫn là yếu tố làm tăng sự cân bằng tâm sinh lý của người lao động.

Tóm lại chúng tôi thấy cần thiết phải nêu lên mối quan hệ giữa ba mặt của một vấn đề: Định hướng sinh đẻ của cá nhân, chuẩn mực số con của một nhóm xã hội thuộc cá nhân đó và nhu cầu dân số của toàn quốc gia đặt ra trong từng gia đình.

Khi chưa xuất phát từ một nhu cầu về con cái thì một cá nhân chưa có định hướng về số con, hay nói đúng hơn, nhu cầu đó hướng tới chuẩn mực số con của nhóm mà họ sống. Khi thuần mực số con của cá nhân và nhóm còn khác nhu cầu số con của xã hội đối với gia đình, thì nhiệm vụ của các nhà Xã hội học và Dân số lúc là tạo mọi điều kiện để đồng như các chuẩn mực đó. Vì vậy, đối tượng của cuộc vận động kế hoạch hóa gia đình không chỉ là người trong độ tuổi sinh đẻ mà còn ở cả những thế hệ trước và sau đó. Những tri thức phổ cập về dân số, các biện pháp xúc tiến sự giảm số con trong gia đình sẽ tạo điều kiện thay đổi, hướng chúng ta tới một chính sách dân số phù hợp nhu cầu của đất nước.

1. Xem thêm Vũ Mạnh Lợi: *Từ chuẩn mực số con đến số con thực tế*, tạp chí *Xã hội học* số 2(6) 1984, tr. 44 - 47.